

TỤC LỄ TANG MA CỦA NHÓM TÀY MƯỜNG Ở MIỀN TÂY NGHỆ AN

VI VĂN AN

Tày Mường (hay Hàng Tổng, Tày Dọ) hiện là nhóm có dân số đông nhất trong 3 nhóm Thái ở miền tây Nghệ An. Những kết quả nghiên cứu bước đầu cho biết, họ là nhóm có mặt đầu tiên tại rẻo đất vùng núi này (từ thế kỷ XIII - XIV)(1). Tuy nhiên, họ cũng không phải là một khối người thuần nhất mà gồm nhiều bộ phận hợp lại. Do quá trình thiên di, chia làm nhiều đợt, khi định cư tại vùng núi này, họ cũng chịu ảnh hưởng, văn hóa của những dân tộc khác như: Lào, Mường, Việt. Vì vậy, về phương diện xã hội, họ có những nét riêng, không giống các nhóm Thái khác trong vùng, trong đó có dòng họ, tang ma là một trong những thí dụ điển hình.

Đặc biệt đám tang của những bậc cao niên, các chức dịch thời trước cách mạng tháng Tám phản ánh sự giàu nghèo, phân biệt giữa dòng họ chức dịch và dòng họ dân...

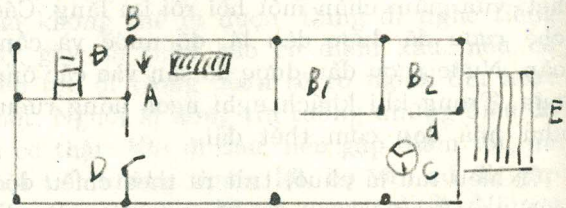
Người Thái nói chung quan niệm chết là hoàn thành cuộc sống ở trần tục để trở về sống với tổ tiên, dòng họ trên Mường Then (trời). Khi chết, hồn (*khoăn*) lia khỏi xác trở về Mường Then tiếp tục cuộc sống nhưng sung sướng hơn ở trần gian. Vì thế họ cho rằng chết già (*tai thầu*) là cái chết lành, trọn nghiệp; người ta cho rằng những người chết già là do ăn ở hiền lành, phúc đức. Chết trẻ và nhất là chết bất đắc kỳ tử (*tai ón, tai hại*) là cái chết oan uổng, xấu số, hồn biến thành ma hay trêu ghẹo người qua đường, hay làm cho con cháu trong nhà đau ốm.

Khi cha mẹ ốm đau, ngoài việc chăm lo, chạy chữa, con cháu phải mời thầy mo, thầy cúng đến xem bói, cúng ma nhà, trời đất, làm vía cho người ốm để cầu tai qua nạn khỏi; đồng thời chuẩn bị các điều kiện để lo liệu việc tang khi người ốm không qua khỏi.

Khi có người chết, người nhà đánh một hồi trống cụt hoặc dùng chày gõ vào máng

giã gạo báo tin cho anh em, bà con trong bản biết, đồng thời cử người đi báo tin cho những anh em ở xa. Lúc này con cái trong nhà chưa ai được khóc to tiếng. Người ta đun nước lá bưởi để tắm (thường chỉ lau qua) rồi thay quần áo mới cho người chết; lấy tờ tằm buộc 2 ngón tay cái và 2 ngón chân cái lại với nhau. Tử thi được khâm liệm bằng vải trắng (*phài hao*). Nam liệm 7 lượt, nữ 9 lượt. Sau khi lột vải lần vải vào quan tài, người ta đặt thi thể lên rồi đập nắp (nhưng chưa chốt đinh). Quan tài được khiêng ra đặt ở gian có ma nhà(2) song song với đòn nóc

A. Cách đặt vị trí quan tài của nhóm Tày Mường (song song với cây đòn nóc nhà)



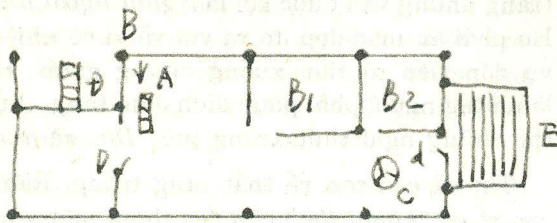
Chú thích:

- A: Bàn thờ ma nhà.
- B: Cột ma nhà (*xau phi huon*).
- B1: Phòng chủ nhà
- B2: Phòng các con
- C: Bếp nấu
- D: Cửa chính phía trước.
- d: Cửa phụ phía trong
- E: Sân phơi
- ** : Quan tài.

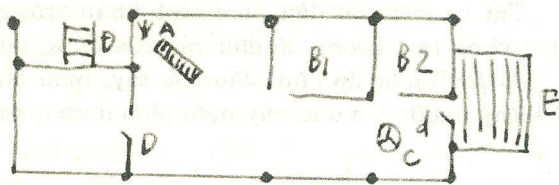
(1) Xem: Đặng Nghiêm Vạn, *Bước đầu tìm hiểu về lịch sử phân bố dân cư ở miền núi tỉnh Nghệ An*. T.C. Dân tộc học số 2-1974.

(1) Nếu quan tài chưa làm xong, người ta đặt tử thi tại gian có ma nhà, buồng màn rủ. Phía đầu và phía chân đều cắm dao xuống găm sàn.

B. Cách đặt vị trí quan tài của nhóm Tày Thanh (song song với quá giang nhà)



C. Cách đặt vị trí quan tài của nhóm Tày Mười (chéo gian thờ ma nhà)



Lưu ý: Cũng có thể trong nhóm Tày Mường có dòng họ lại đặt quan tài theo cách thức và vị trí như nhóm Tày Thanh; ở nhóm Tày Mười cũng có dòng họ đặt theo nhóm Tày Thanh. Điều này có thể lý giải do sự cộng cư gần nhau mà vay mượn lẫn nhau. Sở dĩ đặt khác nhau là để phân biệt nghi lễ khác nhau trong tang ma giữa 3 nhóm Thái trong vùng.

Đặt xong quan tài người ta làm lễ xôi gà, thắp một nén hương cúng báo ma nhà. Cúng xong, bàn thờ được dỡ bỏ xuống gầm sàn, các ngăn buồng, bức vách được tháo bỏ. Sau đó, con cháu ngồi quanh quan tài khóc một lượt. Lúc này trưởng họ và các bậc cha chú triệu tập anh em để bàn việc tiến hành các thủ tục làm ma. Tất cả các thành viên trong dòng họ đều nghỉ việc để lo các khoản điều phúng, giúp tang chủ (gạo, tiền, vải vóc...), đồng thời cử 1, 2 thanh niên mang lễ vật đi đón thầy mo về làm lễ "xên xống" (tiễn hồn người chết lên Thiên). Đám ma được tiến hành tuân tự theo các nghi lễ sau:

1. Lễ cúng lợn (mu xội)

Nội dung của lễ cúng lợn là báo hiếu và đáp nghĩa của các con trai, con rể, các thành viên dòng họ, các cháu trai và bà con xa gần

đối với người quá cố. Việc đóng góp lợn là bắt buộc đối với mọi đối tượng và các thành viên theo tập quán. Do có quan niệm, khi cha (mẹ) qua đời, mọi người (nhất là con cái) đều trở thành "kẻ có tội" nên lợn cúng lễ được gọi là "lợn tội" (mu xội). Lễ vật gồm:

- Lợn góp của các con trai (mu xội).
- Lợn góp của các thành viên dòng họ (mu họ).
- Lợn góp của các con rể, các cháu trai (mu xội).
- Lợn góp của bà con xa gần (trong ngoài bản - góp tiền mua chung) - (mu lang).

Trường hợp những bà con thân thuộc không có khả năng góp tiền chung lợn thì giúp 1, 2 con gà, gạo... (Số gà đó gọi là gà "Cầm tay" (hàng hen). Tất cả số lợn, gà này đều được giết thịt, luộc chín dọn thành 4 mâm dâng cúng hồn người chết. Lễ cúng do một thầy mo đảm nhiệm. Trong lúc cúng, con cháu, họ hàng ngồi bệt, phụ nữ đều phải xoa tóc nghe, khóc tỏ lòng thương tiếc người đã khuất. Các con trai mặc đồ tang, vác dao trên vai ngồi phía đầu quan tài; các con gái, cháu ngồi 2 bên; anh em dòng họ, bà con xa gần ngồi xung quanh. Khi bài cúng vừa dứt tất cả phải lay 5 lần.

2. Lễ cúng bò (hoặc trâu) (xên xống)(*)

Nội dung của lễ "xên xống" là dâng lễ vật (bò hoặc trâu) cho người quá cố về với tổ tiên). Đây còn là sự báo đáp của con cái đối với công sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. Vì thế việc đánh giá sự hiếu thảo, tình cảm đạo đức của con cái đối với cha mẹ qua lễ này. Lễ "xên xống" do ông mo "tàng nhào" (mo đường xa) hành lễ, bên cạnh có 2 mo phụ giúp việc gọi là "báo mo". Con bò (hay trâu) trước khi mổ thịt được buộc vào cột ma nhà để thầy mo cúng báo với người quá cố. Thịt và các bộ phận nội tạng của con

(*) Ở lễ này số lượng trâu, bò được giết mổ không nhất thiết chỉ 1 con mà có thể 2, 3 con, tùy theo khả năng của tang chủ. Trường hợp những gia đình không có bò (trâu) - nhà nghèo - có thể dùng lợn thay thế.

vật sau khi luộc chín, người ta cắt lấy đủ mỗi phần một ít dọn ra một mâm. 4 cái chân, thủ, xương đùi trước và 1 xương đùi sau để sống dọn thành một mâm. Ông mo bắt đầu cúng dâng cho người quá cố để hồn ông (bà) ta mang theo về với tổ tiên. Lễ “xên xống” vào ban đêm, kéo dài đến tận sáng hôm sau. Nội dung bài mo kể về lai lịch gia đình tang chủ, dòng họ; cuộc đời người quá cố từ khi sinh ra, lớn lên, có vợ (chồng) sinh con cái cho đến khi già cả rồi tạ thế. Đây là thể loại thơ được thầy mo kể lễ có sức cuốn hút và truyền cảm hợp với tình cảm, tâm lý của người Thái và rất được bà con ưa chuộng. Qua lời kể của thầy mo, chúng ta có thể nghe và biết được lịch sử gia đình, dòng họ, cũng như nhiều địa danh quen thuộc trong lịch sử cư trú khi người quá cố từ biệt gia đình, vợ con, làng bản trở về với tổ tiên.

Cũng trong đêm “xên xống”, những thành viên trong dòng họ còn phải thực hiện một loạt nghi thức bắt buộc. Đó là tục “Dâu, rể ma” - (Pợ, khươi, phi) (Tục này ở 2 nhóm Tày Thanh và Tày Mười không có).

Ở nhóm Tày Mường, tập quán pháp quy định khi trong dòng họ có tang, mọi thành viên đều phải nghỉ việc để chịu tang. Họ đều phải chít khăn trắng, vì thế được gọi là họ “khăn trắng” (khăn đón), hay còn gọi là họ “dâu trắng” (hua đón)(1)

- Thành phần của họ khăn trắng bao gồm:

+ Vợ, con trai, con gái, con dâu, con rể, các cháu nội của người quá cố.

+ Các bậc em, chú kể cả trai, gái thuộc thành viên dòng họ (không tính con dâu, con rể của họ).

+ Các thành viên trong nhà của các anh em trai, chị em gái của người quá cố (không tính con dâu và con rể của họ).

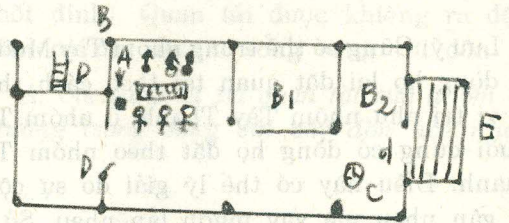
Ba thành phần trên đây được coi là *Người trong nhà* - đối tượng chia buồn chính. Họ phải tỏ ra đau buồn, xót thương vì phải tiễn người thân về với tổ tiên (ăn chay, ăn bốc trong máng tre, không dùng bát đũa, lấy lá chuối rải làm mâm...).

- Những người khăn đen (khăm dăm) gồm những bà con trong ngoài bản nói chung đến

chia buồn. Ở đây các dâu rể của dòng họ (trừ dâu rể của người quá cố) mặc dù thất lưng trắng nhưng vẫn được gọi là *Người ngoài nhà*. Họ phải ăn mặc đẹp, tỏ ra vui vẻ vì có nhiệm vụ đón tiếp tổ tiên xuống chứng giám. Họ là những người phải phục dịch đám tang, thực thi những nghi thức trong tục “Dâu rể ma”.

Tất cả các con rể thất lưng trắng. Riêng con rể cả “khươi tồn” còn đeo thêm một vòng tay bằng bạc (do người nhà của tang chủ đưa. Sau đám tang được tang chủ biểu luôn); gài võ dao bên hông. Các con rể ngồi phía trên quan tài.

Tất cả các con dâu phải chít khăn trắng, đeo vòng tay. Riêng cô dâu cả (của dòng họ) - “Pợ tồn” mặc áo chui đầu cọc tay, màu đỏ. Những người con dâu này ngồi phía dưới quan tài.



Ghi chú: Vị trí ngồi của những người con rể và những người con dâu trong tục “Dâu rể ma”.

Biểu thị con rể cả (*khươi tồn*).

Các con rể khác trong dòng họ.

Biểu thị cô dâu cả (*pợ tồn*).

Các con dâu khác trong dòng họ.

Biểu thị và vị trí ngồi của thầy mo

A, B, C: xem chú thích như trang 28.

Các dâu, rể theo từng cặp một làm động tác *kéo co* qua lại phía trên nắp quan tài (dây kéo co chỉ là tượng trưng). Sau đó họ chơi trò *đoán câu đố* (Lời đố rất thô tục nhưng

(1) Lưu ý: Khăn trắng và khăn đen ở đây là để phân biệt người trong họ và người ngoài họ. Ở người Tày Mường, các dâu rể của người quá cố được tính là người trong nhà. Còn các dâu rể của dòng họ được tính là người ngoài.

hàm nghĩa trong sáng). Cứ theo lượt, nam đổ thì nữ giải đổ và ngược lại. Sau mỗi lần giải đổ (dù đúng hay sai) họ cùng nhau cười phá lên. Họ còn cùng ngồi ăn chung một mâm cơm, tranh nhau phần cơm thịt; xuống sàn giã gạo, gõ máng, quệt nhỏ, chòng ghẹo nhau... mà không lo bị người nhà mắng.

Trong thời gian tiến hành các nghi thức "Dâu rế ma" này, không khí của đám tang từ buồn chuyển sang như một cuộc vui trong ngày hội. Đặc biệt những trò chơi này lại chỉ thường diễn ra ban đêm.

Thực chất tục "Dâu rế ma" xuất phát từ quan niệm: cái chết (nhất là chết già) là sự thoát khỏi trần tục, hoàn thành "nhiệm vụ" dưới trần gian để về với tổ tiên. Vì thế, trong đám ma, gia đình, con cái thì buồn. Buồn vì phải tiễn đưa thân nhân của mình ra đi. Nhưng cũng phải vui vì đón tổ tiên xuống chứng giám và đón nhận người quá cố. Hơn nữa họ quan niệm trong đám tang, thế giới ma quỷ trị nên mọi cái đều phải đảo lộn, khác biệt với ngày thường như: không phải kiêng kỵ giữ ý điều gì (xoa tóc, ghế để chống ngược, con cái được vác dao, đồ đạc vút bừa bãi...).

- Quan tài và việc chôn cất.

Quan tài: Từ những năm 60 trở về trước, người Thái vùng núi Nghệ An vẫn dùng phổ biến kiểu quan tài bằng thân cây khoét rỗng, gọi là "chùng" được chọn từ một số cây nhất định như: dổi, vàng tâm, de... Khác với nhiều dân tộc khác, người Thái thường không sắm quan tài trước, vì như thế họ cho rằng con cái không có đạo đức, muốn cha mẹ mất sớm. Quan tài chỉ được chặt, đục đẽo khi biết người ốm khó qua khỏi, thậm chí sau khi người đó tắt thở. Công việc đục đẽo quan tài do trưởng bản (tùm bản) cắt cử một bộ phận nam giới khéo tay lo liệu. Loại quan tài "chùng" dài 2 mét, đường kính 50-60cm, lòng rộng 40-50cm, chiều dài của lòng 1,80m. Mặt cắt ngang có hình quả trám bị cắt 2 đầu. Người ta bổ đôi thân cây thành 2 nửa bằng nhau rồi khoét rỗng bên trong thành hình lòng máng. Giữa 2 mép của 2 nửa được soi rãnh và tạo gờ để khi đập nắp cho khít. Khi đập nắp,

người ta dùng củ nâu già nát hoặc cơm nếp dẻo trát lên mép để hơi không bay ra ngoài. Sau đó dùng đinh tre hay đinh bằng sắt hình chữ U (hoặc đinh hình vuông) đóng giữ chặt 2 đầu quan tài lại. "Chùng" là loại quan tài rất nặng phải dùng tới 8-12 người khiêng. Để khỏi xê dịch, khi đặt lên cáng tre, người ta dùng dây buộc nèo vít quan tài với cáng.(1)

Từ những năm 60 trở lại đây, loại quan tài này ít được làm, đồng bào dùng phổ biến loại quan tài bằng ván đóng như người Kinh.

- Chọn huyệt.

Người Thái chọn huyệt bằng cách bói trứng. Người ta tung quả trứng gà, trứng rơi xuống vỡ chỗ nào thì đào huyệt chôn chỗ ấy. Tất nhiên, trước khi tung trứng, người ta đã nhắm trước sao cho có thứ tự trên dưới theo huyệt thống, thứ bậc thuộc phạm vi của dòng họ mình trong bài tha ma (pá hèo). Huyệt đào sâu từ 1m2-1m5, chệch theo sườn núi. Đầu bao giờ cũng quay về hướng theo sườn núi, dọc khe suối.

Khi đào huyệt xong, thầy mo ở nhà đọc lời cúng lần cuối để con cháu, dòng họ khóc tạ, chuẩn bị đưa người quá cố ra mồ. Các con mỗi người thắp một ngọn lửa (bằng sáp ong) gắn lên thành quan tài. Con trai gắn lên phía đầu quan tài, con gái gắn phía đuôi, dòng họ gắn 2 bên thành(2). Lúc này ông mo tiến hành một nghi lễ nhỏ gọi là "cất khon" (xuất hành). Khi bài cúng dứt, con, cháu, anh em được đến xem mặt người thân lần cuối cùng rồi quan tài được đập nắp, chốt đinh và đặt lên cáng tre, khiêng xuống sàn. Giờ xuất hành thường vào giờ mao, thìn, tốt nhất là giờ ngọ (Ta pot), vì lúc này ít người qua đường, hồn người chết không "bắt" ai theo được. Trước khi đi, người rế cả gánh một mâm lễ vật gồm thủ lợn, thủ trâu (bò), cơm nếp, thịt gà và một con gà sống ra huyệt trước. Đến chỗ rế vào bãi tha ma, thì treo

(1) Xem thêm: Vi Văn An, *Mộ Thái vùng đường 7 tỉnh Nghệ Tĩnh*, Thông báo KCH 1987, tr.248.

(2) Người ta quan niệm, ngọn lửa của ai cháy đến tận huyệt thì được người quá cố thương yêu, phù hộ nhiều.

lễ vật lên một cành cây, thả con gà vào bãi tha ma, rồi quay về bằng lối khác. Quan tài được khiêng ra khỏi nhà, con cháu, người thân phải “nôn tâng” (nằm đường) để những người khiêng, khiêng quan tài qua đầu.

Phía trước gồm 2 người khiêng trống, thỉnh thoảng đánh 3 tiếng một. Tiếp theo là những người cầm cờ đuôi nheo, cành vạn, các bức chướng, rồi đến quan tài, và sau cùng là bà con đưa tiễn. Đến huyệt, thầy mo đọc vài lời cúng rồi hạ huyệt (*chôn khon*).

Dưới huyệt, người ta nhặt sạch các cành cây lá khô rồi rải than củi(1) dày độ 3cm rồi hạ quan tài. Sau đó, cứ lấp một lớp đất lại rải một lớp than cho đến khi đất được lấp ngang bằng miệng huyệt. Trên miệng huyệt, người ta đặt một khung tre hình chữ nhật, xung quanh đóng cọc ke giữ cho khỏi xô dịch, sau đó mới đặt nhà mồ (đã dựng sẵn) lên trên. Xung quanh mộ có đào rãnh thoát nước, cây cối được phát quang. Trên nhà mồ, người ta để vài cái đĩa, bát, chén và một số đồ gia dụng khác của người quá cố đã sử dụng khi còn sống. Nhà mồ có một cửa mở ở phía chân (cửa mả), bên trong đặt mấy ống nước, trước cửa treo vài *quả còn* màu xanh, đỏ, các loại “tiền” bằng giấy màu... Xung quanh huyệt, người ta còn chôn hòn mồ (*còn đáng*). Con trai cả chôn phía đầu, các con thứ chôn phía chân và 2 bên. Hòn mồ là những viên đá cuội, hình thoi, cao khoảng 50-60cm được chọn ở bến nước. Người ta chôn hòn mồ để làm dấu hiệu ghi nhớ, nhận biết nơi chôn cất người thân của mình. Số lượng hòn mồ nhiều hay ít tùy theo số lượng con cháu của người quá cố, nhưng lại luôn là số chẵn. (Trừ trẻ em chết, không chôn hòn mồ, không có quan tài, chỉ gói chiếu, và chôn ở một bãi tha ma riêng).

Xong việc, tất cả con cháu, dòng họ đi vòng 1 lượt quanh mộ theo chiều từ trái qua phải rồi ra về. Đến bến nước, họ đưa vài thứ lễ vật đã treo trên cành cây xuống ăn qua loa gọi là “ăn cơm ở rừng ma” (*kin ngai pá héo*). Sau 3 lần đưa cơm (*xông ngai*), người ta làm lễ “mở cửa mả” dâng lễ vật và đem các loại cây ăn quả: chuối, bưởi, cau... ra trồng xung quanh mộ rồi “đón” ma bố, mẹ về lập

bàn thờ mới. Tối hôm đó, người ta làm vía buộc chỉ vào cổ tay cho các thành viên trong nhà tang chủ để cầu an và sức khỏe.

- *Việc để tang và kiêng kỵ.*

Ở người Thái vùng miền tây Nghệ An nói chung, nhóm Tày Mường nói riêng, tập quán pháp quy định, khi trong dòng họ có người quá cố (trừ trẻ em và thiếu niên) thành phần phải để tang bao gồm:

- Vợ, các con (trai, gái, dâu, rể), cháu nội (của người quá cố).

- Các em (trai, gái) của người quá cố.

- Tất cả những vai em, con, cháu trong dòng họ.

Những người không phải để tang gồm:

- Anh, chị ruột (của người quá cố).

- Các vai anh, chị và những dâu rể trong dòng họ. Ngoài ra, do quan niệm chồng là anh là chủ trong nhà cho nên chồng chết vợ phải để tang, muốn tái giá phải sau 3 năm. Trái lại vợ chết thì chồng không phải để tang.

Thời hạn và hình thức để tang của vợ, con, cháu trong nhà và những thành viên phải để tang trong dòng họ cũng khác nhau. Các thành viên trong dòng họ chỉ để tang trong những ngày làm tang lễ (2, 3 ngày). Còn vợ, con, cháu, em trai, em gái của người quá cố thì để tang đến tháng thứ 9. Hình thức để tang như sau:

- Những thành viên nam, nữ trong dòng họ mang khăn trắng.

- Vợ và các em gái, con gái, con dâu (của người quá cố) mặc áo trắng, khăn trắng.

- Các em trai, cháu trai mặc áo (hoặc quần) trắng, khăn trắng.

- Các con trai mặc quần trắng, áo trắng, khăn và dây lưng trắng.

- Các con rể mang khăn trắng, nhưng chỉ quấn quanh đầu thành hình tròn chứ không buông thả sau gáy.

Tất cả áo tang đều không có cúc, mà buộc

(1) Hiện nay, tục dùng than củi rải dưới huyệt không còn nữa.

bằng dây vải. Phía sau lưng áo có gắn thêm miếng vải trắng xẻ làm 3 nhánh. Áo đều xỏ gấu.

Ba tháng sau khi mất, người ta làm lễ "Thái phục" (gần như lễ 49 ngày ở người Việt). Trong ngày này, con cháu thịt gà (hoặc lợn) mời bà con, họ hàng đến ăn cơm. Sau đó con cái trong nhà dựng lại các bức vách, các ngăn buồng. Đến tháng thứ 9, người ta làm lễ "Tháo tang" (giống như lễ cúng Bách nhật của người Việt). Sau lễ "Tháo tang", quần áo tang của nam giới được nhuộm nâu, khăn, áo của phụ nữ được nhuộm chàm. Đến đây coi như hết hạn tang. Con cái trong nhà thịt lợn, mổ gà, mời họ hàng bà con xa gần đến dự để mừng cho gia đình. Đây là ngày vui, họ được phép vui cười, hò hét, chúc tụng nhau làm ăn may mắn, mùa màng bội thu. Vui là vì con cái ăn ở có đạo đức, có hiếu với cha mẹ, giữ được đạo làm con - người "có tội" với cha mẹ.

- *Kiên kỵ*: Việc kiên kỵ thường chỉ áp dụng chặt chẽ đối với con cái trong nhà. Trong thời gian để tang, con cái luôn phải tỏ ra đau buồn, thương xót người quá cố. Vì thế họ không được cười đùa, hò hát; không được mở đài; không tham gia các lễ hội, các cuộc liên hoan. Đặc biệt trong thời gian để tang (9 tháng), con cái tuyệt đối không được dựng nhà mới; không được cưới xin, mua bán trâu bò, không được đến dự lễ đầy tháng của trẻ con nhà khác...

Những kiên kỵ này được các bậc cha chú luôn nhắc nhở, anh em phải bảo nhau thực hiện nghiêm ngặt. Ai vi phạm sẽ bị khiển trách, thậm chí có thể bị khai trừ họ - "lạy họ", bà con làng xóm chê cười.

Ở người Thái nói chung, không có tục bốc mộ như các dân tộc khác. Riêng nhóm Tày Mường, trước ngày 30 tết hàng năm, con cái thường ra thăm mộ cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Họ thắp hương cầu khấn rồi đắp thêm đất lên từng ngôi mộ, tục gọi là "Xới mả". Ngoài ra, nhóm Tày Mường còn có tục ăn tết mừng năm âm lịch: rằm tháng 6, tháng 7 âm lịch theo từng dòng họ. Có thể nói đây là những

yếu tố văn hóa ảnh hưởng từ cư dân Việt - Mường.

Vai nhận xét.

- Đám ma của nhóm Tày Mường phản ánh tín ngưỡng của cộng đồng với quan niệm: con người có linh hồn. Khi chết, linh hồn tiếp tục tồn tại - sống với tổ tiên trên trời. Vì thế, trong tang ma, con cái phải tiến hành hàng loạt các nghi thức tôn giáo phức tạp, tốn kém không ít tiền của, thời gian nhằm thỏa mãn ý thức tâm linh của người sống và tin rằng người quá cố cũng được hài lòng (như: cho người quá cố nhiều đồ dùng, trồng cây ăn quả xung quanh mộ...).

- Tang ma thể hiện ý thức củng cố dòng họ - tổ chức tông tộc ở giai đoạn tan rã. Việc củng cố này phản ánh qua nhiều tập tục như: cả họ nghỉ việc - sự đóng góp vào tang lễ, việc để tang và nhất là tục "Dâu rế ma".

- Tang ma chẳng những phản ánh đậm nét tín ngưỡng mà còn thể hiện sắc thái văn hóa cộng đồng. Đó là các trò chơi: ném còn, kéo co, giã gạo. Đặc biệt là bài cúng tiễn hồn người chết ("xên xống") - một áng văn chương có giá trị. Lời bài mo giúp ta hiểu được phần nào cội nguồn lịch sử - quan niệm và ý thức về quê cha đất tổ xa xưa của gia đình, dòng họ.

- So với 2 nhóm Thái còn lại trong vùng, dấu cho có nhiều điểm giống nhau, song tang ma của nhóm Tày Mường như đã trình bày, rõ ràng có nhiều nét khác biệt.

- Tang ma cũng phản ánh việc giúp đỡ giữa những thành viên cùng dòng họ, giữa những thành viên trong - ngoài bản. Đó là tập quán cần được phát huy theo tinh thần "tình làng nghĩa xóm", "nghĩa tử là nghĩa tận". Trước đây ở các bản Thái đã từng tồn tại và phổ biến tập quán tương trợ gọi là "Lang", được đồng bào thực hiện với ý thức tự giác cao. Đặc biệt mỗi bản đều có những điều khoản quy định cụ thể về mức độ đóng góp (gạo, tiền, lợn, nhân công) gần như hương ước ở làng xã miền xuôi.